

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

Áp lực bán từ giữa phiên chiều khiến VN-Index giảm một mạch xuống mức 1,244.87 điểm. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại 1,246.35 điểm, giảm hơn 8 điểm so với phiên giao dịch trước. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực khi chỉ 2/18 ngành tăng điểm. Trong đó, CNTT và Ngân hàng là 2 ngành ghi nhận mức tăng nhẹ trong phiên hôm nay. Ở chiều ngược lại, Truyền thông và Bảo hiểm là 2 ngành có mức giảm mạnh nhất. Về giao dịch khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Trong ngắn hạn thị trường sẽ tiếp tục đi trong biên hẹp và vùng 1240 điểm sẽ trở thành vùng hỗ trợ cho đà quay trở lại của VN-Index.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 06/01/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-8.24** điểm, đóng cửa tại **1246.35** điểm. HNX-Index **-2.71** điểm, đóng cửa tại **222.95** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.24)**, **BID (+1.03)**, **VTP (+0.32)**, **BHN (+0.14)**, **FPT (+0.11)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-0.85)**, **MSN (-0.85)**, **HPG (-0.84)**, **HVN (-0.62)**, **MWG (-0.56)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12,134** tỷ đồng, tăng **1.15%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 13,664 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 15.5 điểm. Thị trường có **82** mã tăng, **68** mã tham chiếu, **318** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **112.82** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (83.36 tỷ)**, **VTP (48.00 tỷ)**, **VGC (28.31 tỷ)**, **VPB (23.54 tỷ)**, **VCI (22.12 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **16.17** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.23%**. Các mã diễn biến tích cực: **DGW (+2.74%)**, **BID (+1.73%)**, **GMD (+1.53%)**.
- BSC50 **+0.45%**. Các mã diễn biến tích cực: **VTP (+5.19%)**, **VGC (+4.56%)**, **QNS (+3.60%)**.

Hiệu suất các chỉ số (Cập nhật đến ngày 02/01)

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.23%	0.45%	0.23%	-0.12%
1 tuần	-0.83%	-1.03%	-0.48%	0.15%
1 tháng	0.56%	1.40%	1.45%	2.17%
3 tháng	-2.88%	-1.09%	-2.09%	-0.94%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,246.35	222.95	93.62
% 1D	-0.66%	-1.20%	-0.76%
GTGD (tỷ VND)	12,134	956	761
%1D	1.15%	15.10%	4.87%
GDNN (tỷ VND)	112.82	16.17	16.40

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	83.36	HPG	-39.18
VTP	48.00	VNM	-37.88
VGC	28.31	GMD	-27.10
VPB	23.54	FPT	-23.33
VCI	22.12	CTR	-22.07

Thị trường thế giới

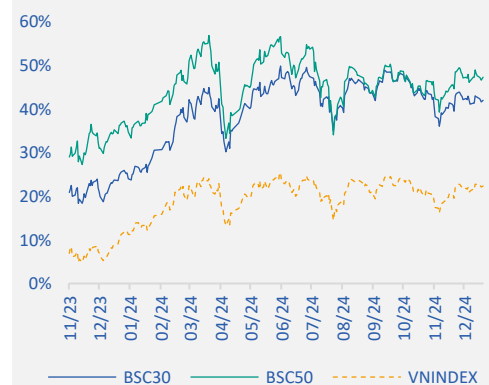
	%D	%W
SPX	1.26%	-1.57%
FTSE100	-0.12%	0.79%
Eurostoxx	0.83%	1.07%
Shanghai	-0.11%	-5.65%
Nikkei	-1.65%	0.51%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	76.19	
Giá vàng	2,638	
Tỷ giá		
USD/VND	25,553	0.01%
EUR/VND	26,918	0.16%
JPY/VND	164	-0.61%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.0%	-0.07%
LS LNH 1M	4.5%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



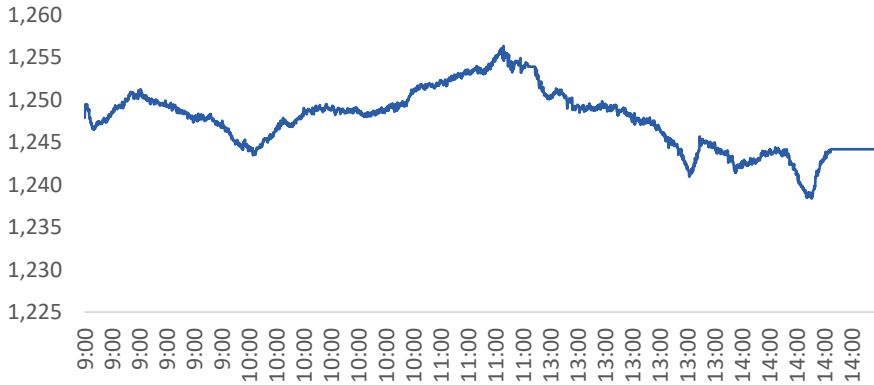
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2501	1318.90	-0.39%	148,400	-14%	1/16/2025	10
VN30F2502	1325.00	-0.38%	490	8%	2/20/2025	45
VN30F2503	1328.00	-0.15%	95	-76%	3/20/2025	73
VN30F2506	1332.00	-0.22%	69	-22%	6/19/2025	164

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -7.54 điểm, đóng cửa tại 1313.04 điểm. Biên độ dao động 12.69 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MWG, MSN, ACB, MBB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 gặp áp lực bán cuối phiên và kết phiên trong sắc đỏ. Thanh khoản thị trường nằm ở mức MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2502, Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2404	3/6/2025	59	348,800	-74.57%	3.10	1,530	2.0%	8.29	9.22	36.25	36.25
CFPT2406	3/28/2025	81	234,500	-73.15%	14.77	1,020	1.0%	5.43	40.09	149.30	149.30
CFPT2404	11/4/2025	302	12,700	-55.73%	12.02	3,630	0.3%	9.25	66.09	149.30	149.30
CSTB2402	5/21/2025	135	349,400	-71.86%	3.00	2,400	0.0%	11.10	10.20	36.25	36.25
CFPT2314	1/9/2025	3	220,400	-51.35%	8.58	7,470	-0.9%	16.41	72.63	149.30	149.30
CVHM2408	11/4/2025	302	97,800	-71.40%	3.80	1,910	-1.0%	9.09	11.44	40.00	40.00
CSTB2410	11/4/2025	302	5,100	-75.70%	3.80	1,670	-1.8%	10.87	8.81	36.25	36.25
CFPT2403	4/28/2025	112	20,200	-73.73%	13.41	6,500	-1.8%	34.26	39.23	149.30	149.30
CFPT2402	7/28/2025	203	10,600	-70.61%	13.41	7,670	-2.2%	34.30	43.87	149.30	149.30
CTPB2403	5/14/2025	128	200	-73.21%	1.75	850	-2.3%	4.78	4.30	16.05	16.05
CFPT2405	8/14/2025	220	8,200	-66.74%	13.41	3,650	-2.4%	13.72	49.65	149.30	149.30
CHPG2409	11/4/2025	302	628,700	-72.09%	2.50	1,590	-2.5%	7.88	7.27	26.05	26.05
CVRE2407	11/4/2025	302	642,300	-72.13%	1.60	1,590	-2.5%	7.81	4.78	17.15	17.15
CFPT2407	6/30/2025	175	72,400	-71.08%	15.87	1,100	-2.7%	5.39	43.18	149.30	149.30
CVIB2407	11/4/2025	302	123,700	-72.85%	1.80	1,700	-2.9%	8.71	5.20	19.15	19.15
CMBB2315	1/9/2025	3	680,500	-71.13%	1.96	1,300	-4.4%	5.73	7.04	24.40	24.40
CTPB2405	6/30/2025	175	188,500	-72.96%	1.90	610	-6.2%	3.55	4.34	16.05	16.05
CHPG2410	8/14/2025	220	1,000	-73.13%	2.80	1,050	-6.3%	5.83	7.00	26.05	26.05
CHPG2406	10/28/2025	295	19,600	-73.90%	2.80	1,000	-6.5%	5.84	6.80	26.05	26.05
CHPG2406	10/28/2025	295	19,600	-73.90%	2.80	1,000	-6.5%	5.84	6.80	26.05	26.05

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND

Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 06/01/2025, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.
- CVNM2408 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 20.00%. CMBB2407 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.28%.
- CFPT2314, CFPT2404, CFPT2405, CTCB2404, và CVIB2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CFPT2314, CMSN2404, và CMSN2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VCB	92.90	0.98%	0.56
FPT	149.30	0.20%	0.30
STB	36.25	0.42%	0.29
VPB	18.80	0.27%	0.22
SHB	10.30	0.49%	0.16

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	26.05	-2.07%	-1.90
MWG	57.00	-2.73%	-1.82
MSN	67.20	-3.59%	-1.56
ACB	24.80	-1.20%	-1.20
MBB	24.40	-1.21%	-0.86

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	92.90	0.98%	1.24	5.59
BID	38.80	1.57%	1.03	6.90
VTP	154.20	6.93%	0.32	0.12
BHN	38.45	6.51%	0.14	0.23
FPT	149.30	0.20%	0.11	1.47

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

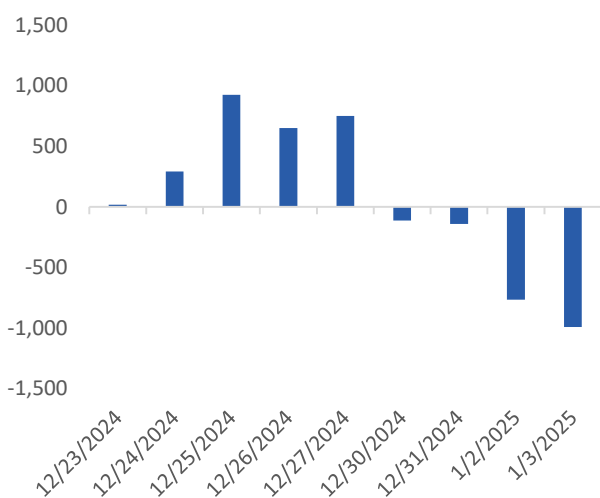
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	114.20	1.60%	0.24	0.20
NVB	8.80	1.15%	0.08	1.17
HGM	226.90	4.08%	0.08	0.01
DHT	96.00	1.05%	0.06	0.08
PLC	23.30	3.10%	0.04	0.08

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Hình 1
Giao dịch tự doanh


Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	29.40	-2.97%	-0.85	4.00
MSN	67.20	-3.59%	-0.85	1.44
HPG	26.05	-2.07%	-0.84	6.40
HVN	27.20	-4.23%	-0.62	2.21
MWG	57.00	-2.73%	-0.56	1.46

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

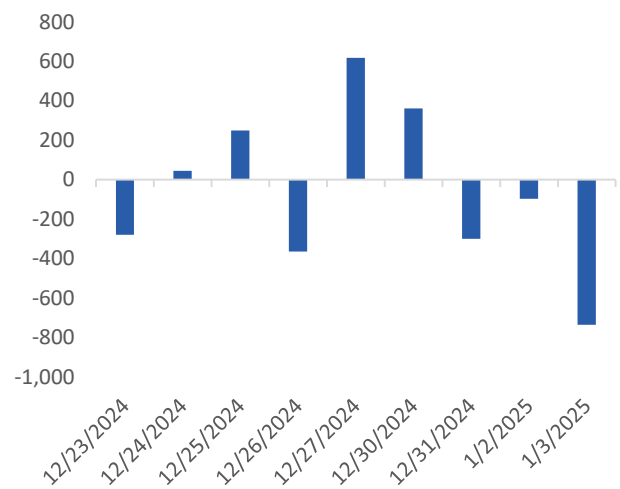
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTK	13.30	-4.32%	-0.26	0.68
NTP	60.50	-4.72%	-0.25	0.13
MBS	26.90	-2.18%	-0.22	0.57
PVS	33.40	-1.76%	-0.19	0.48
VCS	60.80	-2.72%	-0.18	0.16

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	92.9	1.00%	0.7	20,402	7.1	6,194	15.0	-	23.0%	Link
BID	Ngân hàng	38.8	1.60%	1.4	10,516	7.3	4,106	9.5	-	16.8%	Link
VPB	Ngân hàng	18.8	0.30%	1.0	5,861	5.1	1,663	11.3	-	25.1%	Link
TCB	Ngân hàng	23.6	0.00%	1.3	6,551	7.5	3,207	7.4	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	24.4	-1.20%	1.1	5,087	14.0	4,021	6.1	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	36.2	0.40%	1.4	2,685	13.7	4,640	7.8	-	23.9%	Link
CTG	Ngân hàng	37.2	0.00%	1.6	7,849	8.8	4,035	9.2	-	27.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.8	-1.20%	0.8	4,353	11.7	3,638	6.8	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	24.9	-1.80%	1.5	1,920	9.8	1,490	16.7	-	40.4%	Link
IDC	Xây dựng	54.5	-1.40%	1.1	707	2.6	6,634	8.2	65,700	22.5%	Link
HPG	Xây dựng	26.0	-2.10%	1.1	6,547	15.6	1,905	13.7	41,500	21.7%	Link
HSG	VLXD	17.8	-2.20%	1.5	434	3.3	836	21.3	25,300	10.0%	Link
VHM	BĐS	40.0	0.00%	0.7	6,456	5.2	4,700	8.5	108,300	12.3%	Link
KDH	BĐS	34.8	0.00%	1.2	1,383	2.2	522	66.7	44,500	37.2%	Link
NLG	BĐS	35.0	-2.80%	1.3	530	1.7	793	44.2	-	44.4%	Link
DGC	Hóa chất	112.5	-2.60%	1.4	1,679	11.5	7,791	14.4	115,000	18.1%	Link
DCM	Phân bón	34.5	-1.80%	0.9	718	3.8	2,917	11.8	38,700	5.9%	Link
GAS	Dầu khí	67.5	-0.70%	0.4	6,213	1.8	4,728	14.3	-	1.8%	Link
PVS	Dầu khí	33.4	-1.80%	1.1	627	2.7	1,919	17.4	57,000	19.4%	Link
PVD	Dầu khí	23.0	-2.30%	1.4	501	2.9	1,211	19.0	38,400	10.1%	Link
POW	Dầu khí	11.6	-2.10%	0.7	1,063	2.5	597	19.3	17,100	3.8%	Link
VHC	Thủy sản	69.2	-1.80%	1.2	610	3.2	3,814	18.1	108,500	28.0%	Link
GMD	Logistics	64.1	-2.60%	0.7	1,043	2.2	4,315	14.9	90,400	46.0%	Link
VNM	Bán lẻ	62.5	-0.80%	0.4	5,132	5.2	4,591	13.6	93,100	51.5%	Link
MSN	Bán lẻ	67.2	-3.60%	0.9	3,995	13.6	898	74.9	110,000	26.3%	Link
MWG	Bán lẻ	57.0	-2.70%	1.1	3,273	12.1	2,028	28.1	-	46.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	96.8	0.20%	1.2	1,285	1.7	5,960	16.2	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	38.8	-3.50%	1.7	334	2.7	1,809	21.4	66,600	20.1%	Link
FPT	Bán lẻ	149.3	0.20%	1.2	8,630	20.3	5,129	29.1	107,900	45.6%	Link
CTR	Hạ tầng	131.5	1.50%	1.5	591	9.7	4,640	28.3	-	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.5	0.20%	1.1	3,365	6.2	4,461	5.5	1.5	17.2%	27.8%
VIB	Ngân hàng	19.2	0.00%	1.2	2,242	6.0	2,412	7.9	1.4	5.0%	21.4%
TPB	Ngân hàng	16.0	-0.90%	1.4	1,666	4.9	1,840	8.7	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.2	-0.90%	1.1	1,144	2.5	1,687	6.6	0.8	27.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.2	0.00%	0.8	1,336	3.3	1,447	12.6	1.4	2.4%	9.9%
HCM	Chứng khoán	28.2	-1.40%	1.8	796	8.1	1,409	20.0	2.0	44.5%	10.6%
VCI	Chứng khoán	32.3	-1.50%	1.6	911	5.8	1,419	22.8	2.1	25.1%	9.6%
VND	Chứng khoán	12.0	-3.20%	1.5	715	4.1	1,503	8.0	0.9	11.9%	15.0%
BSI	Chứng khoán	45.1	-3.20%	2.0	395	0.7	1,732	26.0	2.0	41.0%	9.3%
SHS	Chứng khoán	12.2	-2.40%	1.7	390	3.0	1,178	10.4	0.9	2.9%	10.5%
CTD	Xây dựng	69.2	1.50%	1.4	272	3.4	3,361	20.6	0.8	49.0%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.6	1.30%	1.5	197	2.6	835	13.9	0.6	8.8%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.1	-0.50%	1.5	77	0.5	825	12.2	0.8	2.1%	5.7%
SZC	BĐS KCN	41.3	-1.40%	1.1	292	2.4	1,572	26.3	2.5	2.2%	12.1%
SIP	BĐS KCN	79.0	-2.70%	1.2	654	2.2	5,635	14.0	3.9	4.5%	29.0%
PHR	BĐS KCN	51.9	-1.30%	0.9	276	0.4	2,858	18.2	1.8	17.9%	12.1%
DIG	BĐS	18.8	-2.10%	1.5	449	4.2	135	139.2	1.5	4.2%	1.1%
CEO	BĐS	12.5	-3.80%	1.9	265	1.9	316	39.6	1.1	4.5%	2.1%
KBC	BĐS KCN	27.2	0.00%	1.4	819	3.3	549	49.4	1.1	18.8%	1.7%
VGC	BĐS KCN	47.0	0.00%	1.2	828	3.9	1,312	35.8	2.5	3.6%	8.2%
GVR	BĐS KCN	29.4	-3.00%	1.6	4,621	2.5	851	34.5	2.3	0.3%	6.5%
NKG	VLXD	13.9	-3.10%	1.6	244	1.7	1,736	8.0	0.6	7.6%	7.4%
BMP	VLXD	131.0	-1.70%	1.2	421	0.8	12,420	10.5	3.6	84.1%	34.6%
IJC	BĐS	13.6	-1.80%	1.2	202	1.0	729	18.7	1.0	4.8%	6.0%
DXG	BĐS	14.8	-6.10%	1.4	418	5.9	197	74.8	1.0	18.8%	1.9%
VRE	BĐS	17.2	-0.30%	1.2	1,531	3.0	1,795	9.6	1.0	18.9%	11.9%
PDR	BĐS	19.6	-4.20%	1.7	672	7.4	500	39.2	1.6	7.6%	5.0%
DIG	BĐS	18.8	-2.10%	1.5	449	4.2	135	139.2	1.5	4.2%	1.1%
HUT	Xây dựng	15.7	-0.60%	0.7	551	0.9	75	208.9	1.6	1.4%	1.7%
C4G	Xây dựng	7.7	-2.50%	1.0	-	0.1	573	13.4	0.7	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	44.0	-4.10%	1.6	191	5.4	2,122	20.7	3.3	2.8%	15.2%
DHC	Hóa chất	38.0	-1.40%	1.0	120	0.9	3,330	11.4	1.6	40.8%	13.3%
DRC	Cao su	27.9	-1.60%	0.9	130	0.7	2,259	12.4	1.7	9.0%	16.5%
PC1	Tiện ích	22.0	-3.10%	1.1	309	1.4	1,511	14.6	1.3	13.1%	6.1%
HDG	Tiện ích	27.6	-3.50%	1.4	365	5.4	2,116	13.1	1.5	20.0%	11.8%
GEX	Tiện ích	18.0	-2.20%	1.5	608	3.1	1,207	14.9	1.2	5.7%	7.0%
QTP	Tiện ích	13.6	-0.70%	0.5	-	0.1	1,500	9.1	1.1	0.9%	11.2%
PLX	Dầu khí	38.4	-0.30%	0.7	1,915	1.0	2,350	16.3	1.9	17.4%	13.8%
BSR	Dầu khí	21.9	-0.90%	1.1	-	4.0	966	22.7	1.2	0.6%	13.4%
PLC	Dầu khí	23.3	3.10%	1.3	74	0.9	611	38.1	1.5	0.3%	4.7%
ANV	Thủy sản	18.6	-4.10%	1.2	195	1.8	315	59.2	0.9	1.1%	1.2%
PTB	VLXD	63.5	-2.30%	1.2	167	0.4	4,944	12.8	1.5	23.6%	11.9%
VSC	Logistics	15.6	-1.30%	1.1	176	1.5	737	21.2	1.1	2.2%	7.3%
HAH	Logistics	48.7	0.10%	1.0	232	2.4	3,571	13.6	2.0	13.5%	10.6%
DBC	Bán lẻ	26.5	-4.50%	1.6	348	6.5	1,604	16.5	1.4	8.5%	5.0%
FRT	Bán lẻ	186.0	-0.80%	0.9	996	4.6	775	240.1	14.0	37.1%	11.8%
QNS	Bán lẻ	51.6	-0.60%	0.6	-	0.4	6,553	7.9	2.0	13.5%	28.7%
TNG	Dệt may	24.2	-4.70%	1.2	117	3.8	2,427	10.0	1.6	16.9%	14.7%
PVT	Logistics	26.9	-3.10%	1.0	376	2.9	3,130	8.6	1.3	12.6%	14.2%
DPM	Phân bón	35.0	-1.50%	1.0	538	3.1	1,700	20.6	1.2	8.6%	5.5%
REE	Tiện ích	64.0	-2.10%	1.0	1,184	2.1	3,860	16.6	1.7	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
4	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
11	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
12	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
13	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
14	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
15	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
19	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660